

Số: 273/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 368/2025/TLST-VLĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 232/2025/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; nơi thường trú: Ấp H, xã B, tỉnh An Giang, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1995; nơi thường trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Đ, tỉnh An Giang), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Số A, Đại lộ Đ, KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở B thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: Số A, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Do bà N có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà N có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà N được Bảo hiểm xã hội thông báo thời điểm tháng 6 năm 2010 bà N có ký hợp đồng lao động và làm việc tại với Công ty Cổ phần S. Vào thời gian nêu trên bà C là chị em quen biết

có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà N đi làm việc tại Công ty cổ phần C2 vào tháng 6 năm 2010. Thực tế, trong thời gian trên bà N không hề làm việc tại Công ty Cổ phần S.

Do đó, nay bà N làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết như sau: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Nguyễn Thị N với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần S trong khoảng thời gian tháng 6 năm 2010 là vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị C trình bày:

Do cần tiền để phụ giúp gia đình nên bà C có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị N để đi làm. Từ tháng 6 năm 2010 bà C có ký hợp đồng lao động và làm việc tại với Công ty Cổ phần S. Thực tế, trong thời gian trên bà N đang đi làm tại Công ty cổ phần C2.

Bà C nhận thấy việc làm của bà C là không đúng quy định nên bà C đồng ý đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Nguyễn Thị N1 (do bà Đoàn Kim C1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần S trong khoảng thời gian làm từ tháng 6 năm 2010 là vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần S đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc lao động.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu bà N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1, Bảo hiểm xã hội cơ sở B thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, Công ty Cổ phần S chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà N1 là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu bà N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1, Bảo hiểm xã hội cơ sở B thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty Cổ phần S đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian tháng 6 năm 2010 bà N1 giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, bà N1 và bà C1 đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S và thực tế làm việc tại công ty T khoảng thời gian nói trên là bà C1 (do bà N1 cho bà C1 mượn chứng minh nhân dân).

[3] Xét thấy, lời khai của bà N1 và bà C1 phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Uyên thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H (tại bút lục A). Theo đó, trong khoảng thời gian tháng 6 năm 2010, bà N1 đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty Cổ phần S và vào tháng 6 năm 2010, bà N1 đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty cổ phần C2, tham gia bảo hiểm xã hội. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S trong khoảng thời gian tháng 6 năm 2010 là bà C1, không phải là bà N1. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N1 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà N1 với Công ty Cổ phần S.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*", chấp nhận yêu cầu của bà N1 và ý kiến của bà C1 về việc xác định người lao động tại Công ty Cổ phần S trong giai đoạn từ tháng 6 năm 2010 là bà C1, không phải là bà N1. Bà N1 và bà C1 có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410176373.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà N1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị N.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị N với Công ty Cổ phần S (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410176373) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410176373 không phải là bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 06/5/1988; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 089188029768. Bà Nguyễn Thị N được quyền liên

hệ với C3 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410176373.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0027356 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố H.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thu Hà